

Số: 96 /KH-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2021

### **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 về việc đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Nghị quyết số 534/NQ-HĐND ngày 14/01/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang năm 2021;

Căn cứ Kết luận số 31/KL-HĐND ngày 18/01/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên giải trình về tình hình đào tạo nghề phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp niên khóa 2021- 2022 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Công văn số 703/LĐTBXH-TCGDNN ngày 16/3/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đẩy mạnh triển khai đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp và nhân lực có kỹ năng nghề;



Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, với một số nội dung cơ bản như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích:

Tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng cho doanh nghiệp và thị trường lao động; gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động.

### 2. Yêu cầu:

Huy động sự tham gia của hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân vào việc triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo nghề; tạo được sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển mạng lưới khu, cụm công nghiệp; khu du lịch.

Qua đào tạo giúp người lao động có tay nghề và các doanh nghiệp đẩy mạnh, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh và dịch vụ; nâng cao chất lượng hàng hóa, ổn định và tăng khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát:

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề để góp phần thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người học.

### 2. Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; cụ thể:

- Số lớp dự kiến đào tạo là 296 lớp.
- Số lao động dự kiến đào tạo là 9.000 lao động.
- Kinh phí dự kiến: 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng).

Trong đó:

#### a) Lĩnh vực phi nông nghiệp:

- + Số lớp dự kiến đào tạo là 185 lớp.



- + Số lao động dự kiến đào tạo là 5.400 lao động.
  - + Kinh phí dự kiến: 9.800.000.000 đồng (Chín tỷ tám trăm triệu đồng).
- (Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).*

b) Lĩnh vực nông nghiệp:

- + Số lớp dự kiến đào tạo là 110 lớp.
  - + Số lao động dự kiến đào tạo là 3.600 lao động.
  - + Kinh phí dự kiến: 6.200.000.000 đồng (Sáu tỷ hai trăm triệu đồng).
- (Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm).*

Về nguồn vốn thực hiện Kế hoạch này: đến thời điểm hiện nay Trung ương chưa phân bổ kinh phí cho công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021.

Tuy nhiên, để đảm bảo kinh phí thực hiện kế hoạch đào tạo nghề đã được giao theo nghị quyết của HĐND tỉnh; trước mắt đề nghị Sở Tài chính bố trí nguồn kinh phí đào tạo nghề năm 2021 là 4,75 tỷ đồng (Bốn tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng).

Đồng thời, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo khó khăn về kinh phí trong công tác đào tạo nghề của tỉnh, đề sớm nhận được kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương. Trong trường hợp Trung ương không bố trí kinh phí cho công tác đào tạo nghề năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp Sở Tài chính trình UBND tỉnh bố trí số kinh phí theo khả năng cân đối của địa phương để phấn đấu thực hiện đạt chỉ tiêu về đào tạo nghề năm 2021 đã được HĐND tỉnh giao.

### **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhiệm vụ:**

Tập trung đào tạo những ngành nghề gắn với việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các tiểu vùng và phát triển mạng lưới đào tạo nghề trong tỉnh.

Đào tạo nghề phải gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, vùng, lĩnh vực và địa phương; gắn với đề án đào tạo nguồn lực; đồng thời, đào tạo phải phù hợp với từng trình độ cụ thể nhằm tăng cường đẩy nhanh yếu tố con người có kỹ năng trở thành một lợi thế nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, tăng năng suất lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Chuyển mạnh đào tạo nghề từ hướng cung sang hướng cầu của thị trường lao động; tăng nhanh quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo nghề; đẩy nhanh xã hội hóa, mở rộng dạy nghề ở các cấp trình độ đào tạo; phát huy tiềm năng lợi thế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh về nguồn nhân lực.



Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư và nông dân sản xuất giỏi có đủ điều kiện tham gia đào tạo nghề.

## 2. Một số giải pháp:

Tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp, của thị trường lao động trên địa bàn để có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo. Lồng ghép hoạt động đào tạo nghề với các chương trình, đề án khác có liên quan nhằm tránh sự chồng chéo trong tổ chức triển khai thực hiện.

Nâng cao nhận thức trong việc học nghề, gắn với giải quyết việc làm, thông qua các biện pháp tổ chức tập huấn, tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm.

Đẩy mạnh phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho những cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn thiếu theo hướng tập trung, tránh dàn trải; ưu tiên đầu tư hoàn thiện cho những cơ sở đào tạo tại địa phương đó có nhu cầu học nghề cao và có khu, cụm công nghiệp, nhiều doanh nghiệp.

Tăng cường các biện pháp quản lý chất lượng đào tạo, thường xuyên giám sát, kiểm tra theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng sau đào tạo; chống tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích xã hội giám sát chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đào tạo theo hướng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và tuyên dụng đáp ứng yêu cầu về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; chuẩn năng lực sư phạm; chuẩn kỹ năng nghề, ... Huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề tại các doanh nghiệp, nông dân sản xuất giỏi tham gia xây dựng chương trình, giáo trình và đào tạo, truyền nghề.

Trên cơ sở nội dung chương trình, giáo trình do các Bộ, ngành Trung ương ban hành; cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát, bổ sung những nội dung thuộc đặc thù về địa lý, thổ nhưỡng của địa phương để hoàn thiện và tổ chức đào tạo theo thời gian của từng chương trình cụ thể. Định kỳ rà soát và có hướng điều chỉnh kịp thời chương trình để phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động.

## 3. Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí thực hiện trong năm 2021 là 16 tỷ đồng, được bố trí từ nguồn kinh phí địa phương và Trung ương.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:



Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; ban hành các quy định cụ thể về quản lý giáo dục nghề nghiệp, chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, học viên đúng theo quy định của pháp luật; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và nhà giáo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh theo quy định; quyết định phê duyệt danh mục, định mức chi phí cho từng nghề đối với các nghề phát sinh mới hoặc các nghề có thời gian đào tạo khác nhau trong quá trình triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện và quản lý công tác đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ kinh phí đào tạo nghề cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện; hướng dẫn thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo theo đúng quy định.

## **2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp.

Chỉ đạo hệ thống khuyến nông gắn kết các hoạt động khuyến nông với hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tổ chức nhân rộng mô hình giáo dục nghề nghiệp gắn với hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong ngành nông nghiệp.

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng cơ chế, chính sách, danh mục, định mức chi phí cho từng nghề; dự toán phân bổ kinh phí đào tạo nghề lĩnh vực nông nghiệp cho các huyện, thành phố để tổ chức thực hiện; hướng dẫn thực hiện các trình tự, thủ tục thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo theo đúng quy định.

Kiểm tra, giám sát và chịu trách nhiệm trong công tác đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp.

## **3. Sở Tài chính:**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện; tổ chức kiểm



tra, giám sát tình hình sử dụng kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

#### **4. Sở Du lịch:**

Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các địa phương, đơn vị có liên quan và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai thực hiện đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.

Vận động các đơn vị kinh doanh dịch vụ, du lịch chủ động tổ chức hoặc cử người tham gia các khóa đào tạo để đảm bảo lao động trong doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

#### **5. Ban Dân tộc tỉnh:**

Rà soát, thống kê, đánh giá thực trạng nhu cầu học nghề, nhu cầu việc làm của người dân tộc thiểu số trên địa tỉnh. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, giám sát, tổng hợp nhu cầu, kết quả, hiệu quả đào tạo nghề và việc làm sau khi đào tạo nghề đối với người dân tộc thiểu số.

#### **6. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh:**

Thực hiện cho vay vốn ưu đãi đối với người lao động sau đào tạo nghề nghiệp để khởi nghiệp và giải quyết việc làm từ Quỹ Quốc gia về việc làm theo quy định hiện hành.

#### **7. Kho bạc Nhà nước Kiên Giang:**

Chỉ đạo, hướng dẫn Kho bạc Nhà nước cấp huyện thống nhất về hồ sơ thanh, quyết toán kinh phí đào tạo nghề nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong thanh toán, quyết toán và hạn chế việc phát sinh thủ tục ngoài hướng dẫn.

#### **8. UBND các huyện, thành phố:**

Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn phối hợp với các cơ quan đoàn thể tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và vận động người lao động nông thôn trên địa bàn quản lý tích cực tham gia học nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập; ưu tiên bố trí và tạo điều kiện cho đối tượng sau khi học nghề được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương; chủ động lựa chọn ngành nghề, thời gian đào tạo phù hợp.

Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn; lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 trên địa bàn quản lý.

Kiểm tra, giám sát chất lượng đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau đào tạo và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về tình hình tổ chức triển khai thực hiện theo quy định cho UBND tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).



### 9. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và kế hoạch đào tạo năm 2021 để chủ động tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Xây dựng chương trình, giáo trình, đăng ký hoạt động đào tạo. Hợp đồng đào tạo với Phòng Kinh tế hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nghề nông nghiệp), Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với nghề phi nông nghiệp và đào tạo lao động có tay nghề làm việc tại các khu, cụm công nghiệp và khu du lịch; lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa). Trình phê duyệt kế hoạch đào tạo trước khi mở lớp, trực tiếp chi trả tiền ăn, tiền tàu xe theo định mức và lập hồ sơ, chứng từ thanh toán, quyết toán gửi các đơn vị theo đúng thời gian quy định.

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện nghiêm các nội dung của Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /

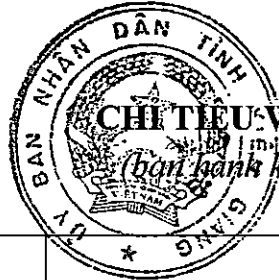
#### Nơi nhận:

- VPCP (A+B);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (Đảng, chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội);
- Báo Kiên Giang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình KG;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP; P. KGVX;
- Lưu: VT, tthuy.



Nguyễn Lưu Trung





**Phụ lục 1**

**CHỈ TIÊU VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ LĨNH VỰC PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2021**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 96 /KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: ngàn đồng*

STT	Đơn vị	Số lớp	Số người	Kinh phí đào tạo	Kinh phí tuyên truyền	Kinh phí kiểm tra, giám sát	KP bồi dưỡng tập huấn, hội nghị sơ kết	Tổng kinh phí	Ghi chú
1	Thành phố Rạch Giá	4	120	230.000	10.000	10.000		250.000	
2	Thành phố Hà Tiên	5	150	280.000	10.000	10.000		300.000	
3	Thành phố Phú Quốc	6	180	380.000	10.000	10.000		400.000	
4	Huyện Kiên Lương	6	180	330.000	10.000	10.000		350.000	
5	Huyện Giang Thành	8	240	380.000	10.000	10.000		400.000	
6	Huyện Hòn Đất	8	240	440.000	10.000	10.000		460.000	
7	Huyện Châu Thành	10	300	550.000	10.000	10.000		570.000	
8	Huyện Giồng Riềng	15	450	830.000	10.000	10.000		850.000	
9	Huyện Gò Quao	15	450	830.000	10.000	10.000		850.000	
10	Huyện Vĩnh Thuận	7	210	380.000	10.000	10.000		400.000	
11	Huyện U Minh Thượng	10	300	550.000	10.000	10.000		570.000	
12	Huyện Tân Hiệp	15	450	830.000	10.000	10.000		850.000	
13	Huyện An Biên	12	360	660.000	10.000	10.000		680.000	
14	Huyện An Minh	15	450	830.000	10.000	10.000		850.000	
15	Huyện Kiên Hải	4	120	280.000	10.000	10.000		300.000	
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	45	1.200	1.280.000	200.000	100.000	140.000	1.720.000	
<b>Cộng</b>		<b>185</b>	<b>5.400</b>	<b>9.060.000</b>	<b>350.000</b>	<b>250.000</b>	<b>140.000</b>	<b>9.800.000</b>	

\* Ghi chú: Định mức kinh phí đào tạo bình quân từ 45 - 70 triệu/lớp, phụ thuộc vào trình độ đào tạo sơ cấp hay thường xuyên; chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền ăn; tiền đi lại và hỗ trợ giáo viên dạy tại các xã đảo và ngược lại.





## Phụ lục 2

### CHI TIẾT VÀ KINH PHÍ ĐÀO TẠO NGHỀ LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 6/KH-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Đơn vị	Số lớp	Số người	Kinh phí đào tạo	Kinh phí tuyên truyền	Kinh phí kiểm tra, giám sát	KP bồi dưỡng tập huấn, hội nghị sơ kết	Tổng kinh phí	Ghi chú
1	Thành phố Rạch Giá	7	245	320.000	10.000	10.000		340.000	
2	Thành phố Hà Tiên	2	60	140.000	10.000	10.000		160.000	
3	Thành phố Phú Quốc	2	60	110.000	10.000	10.000		130.000	
4	Huyện Kiên Lương	4	120	180.000	10.000	10.000		200.000	
5	Huyện Giang Thành	5	170	230.000	10.000	10.000		250.000	
6	Huyện Hòn Đất	5	170	260.000	10.000	10.000		280.000	
7	Huyện Châu Thành	10	325	470.000	10.000	10.000		490.000	
8	Huyện Giồng Riềng	11	330	560.000	10.000	10.000		580.000	
9	Huyện Gò Quao	5	175	290.000	10.000	10.000		310.000	
10	Huyện Vĩnh Thuận	7	245	380.000	10.000	10.000		400.000	
11	Huyện U Minh Thượng	15	450	790.000	10.000	10.000		810.000	
12	Huyện Tân Hiệp	10	350	530.000	10.000	10.000		550.000	
13	Huyện An Biên	10	350	560.000	10.000	10.000		580.000	
14	Huyện An Minh	13	400	730.000	10.000	10.000		750.000	
15	Huyện Kiên Hải	5	150	320.000	10.000	10.000		340.000	
16	Sở Nông nghiệp PTNT					30.000		30.000	
<b>Cộng</b>		<b>111</b>	<b>3.600</b>	<b>5.870.000</b>	<b>150.000</b>	<b>180.000</b>		<b>6.200.000</b>	

\* Ghi chú: Định mức kinh phí đào tạo bình quân từ 54 - 70 triệu/lớp, phụ thuộc vào trình độ đào tạo sơ cấp hay thường xuyên; chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại và hỗ trợ giáo viên dạy tại các xã đảo và ngược lại.